

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Việt Cường. Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Cựu chiến binh huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Bà Bùi Thị Bích Phượng. Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1995; có mặt.

HKTT: Cụm 7, xã Tân H, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ cư trú: Cụm 5, xã Hồng H, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Sỹ H, sinh năm 1992; có mặt.

HKTT và địa chỉ cư trú: Cụm 7, xã Tân H, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Sỹ H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội vào ngày 19/02/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh Hưng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, kinh tế vợ chồng không ổn định nên cuộc sống chung không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 09/2020 cho đến nay chị và anh Hưng

sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Hưng.

Về con chung: Chị và anh Hưng có 01 con chung là cháu Nguyễn Sỹ Tú, sinh ngày 01/10/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Tú và không yêu cầu anh Hưng cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang ở cùng bố mẹ đẻ và làm giáo viên tại Trường Mầm non Đức Giang A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng/tháng nên chị có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi con.

Tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, về nợ: Chị xác định vợ chồng không có tài sản, công sức và nợ chung.

- Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Sỹ H trình bày: Về thời gian kết hôn anh xác nhận đúng như chị Nga trình bày. Sau khi kết hôn anh và chị Nga chung sống hạnh phúc, đến tháng 09/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị Nga không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Nga bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay, anh chị sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nga xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nga có 01 con chung là cháu Nguyễn Sỹ Tú, sinh ngày 01/10/2014. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị Nga cấp dưỡng nuôi con. Anh có đủ điều kiện để nuôi con, vì hiện nay anh đang ở cùng bố mẹ đẻ và làm nghề tự do (làm nghề mộc) thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đồng. Nếu được nuôi cháu Tú thì bố mẹ anh hỗ trợ quan tâm chăm sóc cháu, do vậy anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được nuôi con.

Tài sản chung, công sức với đóng góp với gia đình hai bên, về nợ: Không có.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Sỹ H đều giữ nguyên yêu cầu, đề nghị như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H. Về con chung, giao cháu Nguyễn Sỹ Tú cho chị Nga nuôi. Về tài sản chung, công sức, nợ không có nên không đề nghị giải quyết. Chị Nga phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H có địa chỉ tại Cụm 7, xã Tân H, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đây là vụ việc về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng, tiến hành phiên họp hòa giải theo qui định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chị Nga và anh Hưng không thống nhất được với nhau về việc người nuôi con khi ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của hai bên và các tài liệu xác minh, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Sỹ H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội vào ngày 19/02/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, chị Nga và anh Hưng chung sống hạnh phúc đến tháng 09/2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung. Vợ chồng đã nhiều lần xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Nga đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Cả chị Nga và anh Hưng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nga xin ly hôn, anh Hưng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Nga và anh Hưng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại và mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nga đối với anh Hưng.

[3] Về con chung: Xác định chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Sỹ H có 01 con chung là cháu Nguyễn Sỹ Tú, sinh ngày 01/10/2014. Khi ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nga và anh Hưng đều có đủ các điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, từ khi chị Nga, anh Hưng hai bên sống ly thân cho đến nay thì cháu Tú vẫn ở cùng với chị Nga và cháu có trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ. Vì vậy, việc giao cháu Tú cho chị Nga nuôi là phù hợp với thực tế, cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Sỹ H nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hưng cho đến khi chị Nga có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Hưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, về nợ: Chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Sỹ H đều xác định không có tài sản, công sức và nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Sỹ H có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phạm Thị N.

Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Sỹ H có 01 con chung là cháu Nguyễn Sỹ Tú, sinh ngày 01/10/2014. Giao cháu Nguyễn Sỹ Tú cho chị Phạm Thị N nuôi cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Phạm Thị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Sỹ H cho đến khi chị Phạm Thị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Sỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, về nợ: Chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Sỹ H đều xác định không có tài sản, công sức và nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010242 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Sỹ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Tân H, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội (GCNKH số 29/2014, quyền số 01/2014 ngày 19/02/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA